

Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu và các vấn đề đặt ra cho Việt Nam

TRẦN ĐÌNH THIÊN

Trong các cuộc thảo luận hiện nay, cần đặt việc lý giải nguyên nhân, hậu quả và tác động của khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu đang diễn ra trong mối liên hệ với những chuyển biến mang tính thời đại (đối với thế giới) và định hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2011-2020 (đối với Việt Nam). Theo cách tiếp cận như vậy, xin được bày tỏ ý kiến xoay quanh ba vấn đề.

1. Về nguyên nhân khủng hoảng

Cuộc khủng hoảng này được định vị là loại khủng hoảng mang tầm thế kỷ, "trăm năm mới có một lần". Thế giới trong vòng một trăm năm xảy ra rất nhiều cuộc khủng hoảng, từ năm 1997 đến nay cũng đã có 5-6 cuộc khủng hoảng, tuy nhiên đó chỉ là những cuộc "nhỏ nhỏ", mang tính "chuyên đề" và chủ yếu ở tầm khu vực. Vì vậy, chiều sâu và những đặc trưng mang tính bản chất của nó không giống như những cuộc khủng hoảng "nhỏ nhỏ" khác, mà được gọi là "đại khủng hoảng". Cuộc khủng hoảng này có sức mạnh xoay chuyển cả một thời đại.

Nếu nhìn nhận thực chất cuộc khủng hoảng lần này như vậy, không thể bình luận khủng hoảng xảy ra chỉ là do sai sót của hệ thống tài chính. Nguyên tắc chung là cần phân biệt đủ rạch ròi các nguyên nhân từ " nông " đến " sâu ".

Theo chiều sâu như thế, có thể xác định mấy nhóm nguyên nhân sau:

- Nguyên nhân trực tiếp: sự hình thành và đổ vỡ của bong bóng nhà đất, của các khoản cho vay thế chấp nhà đất. Sâu hơn là những bất ổn tín dụng nói chung (cho vay nhà đất tại Mỹ chỉ chiếm khoảng 23% tổng các khoản vay).

- Nguyên nhân chủ yếu - trực tiếp: sự yếu kém của hệ thống tài chính - ngân hàng.

- Nguyên nhân cơ bản (nền tảng): sự mất cân bằng kinh tế toàn cầu sâu sắc kéo dài, phá vỡ các tương quan và cục diện phát triển hiện có.

- Nguyên nhân gắn với nguyên lý vận hành của hệ thống kinh tế thị trường: nhà nước hay thị trường?

1.1. Nguyên nhân trực tiếp: khủng hoảng cho vay nhà đất và khủng hoảng tín dụng

Sau sự sụp đổ *dot.com* vào năm 1999-2000 và vụ khủng bố 11-9-2001, lo ngại kinh tế suy sụp, Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) đã nhanh chóng cắt lãi suất từ 6,5% xuống 1% vào tháng 7-2003.

Mức lãi suất thấp như vậy kéo dài suốt hơn 4 năm, từ giữa 2001 đến cuối 2004. Trong thời gian đó, giá nhà đất tăng khoảng 10%/năm. Với tốc độ tăng giá như vậy, giá nhà năm 2006 cao gấp đôi giá năm 2001. Lãi suất thấp, tiền vay rẻ, giá nhà tăng nhanh làm cho bong bóng nhà đất hình thành. Khi lãi suất bắt đầu tăng vào năm 2005, bong bóng vẫn tiếp tục "căng" cho đến hết 2006. Sau quá trình hưng thịnh kéo dài 7 năm (2000-2006), sự sụp đổ diễn ra nhanh chóng trên quy mô toàn cầu.

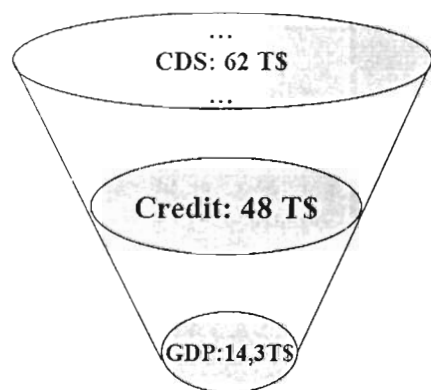
Trần Đình Thiên, PGS. TS., Viện Kinh tế Việt Nam.

Nét điển hình của bong bóng nhà đất là sự tăng trưởng tín dụng thể chấp. Đến đầu thập niên 1990, dư nợ thế chấp ở Mỹ chỉ khoảng 2 nghìn tỷ USD, nhưng đến quý 3/2001, đã tăng lên trên 5,5 nghìn tỷ USD và đến quý 3/2007, lên hơn 11 nghìn tỷ USD. Tại đỉnh điểm, tổng dư nợ tín dụng đạt khoảng 48 nghìn tỷ USD, gần 3,5 lần GDP.

Các khoản vay ngoài vay thế chấp nhà đất cũng trong tình trạng xấu, nguyên nhân là việc "chứng khoán hóa" các giấy tờ nợ không được kiểm soát.

Lưu ý rằng cả trong cho vay nhà đất lẫn trong thị trường nợ, việc dùng đòn bẩy (leverage) tài chính là hết sức quan trọng. Một DN có vốn riêng là 1, đi vay 3 để kinh doanh, tức là nó sử dụng đòn bẩy 3 lần. Trong nền kinh tế thực, nếu doanh nghiệp có đòn bẩy tài chính không lớn hơn 3 được coi là bình thường. Đòn bẩy càng cao, rủi ro càng lớn: lời người vay trúng lớn, lỗ thì ngân hàng gánh chịu.

Hình 1: GDP, thị trường nợ và chứng khoán nợ ở Mỹ (T=ngàn tỷ)



Hình 1 cho thấy độ lớn của GDP, của thị trường nợ và các sản phẩm phái sinh dựa trên nợ ở Mỹ (CDS chỉ là 1 loại chứng khoán nợ). Có thể thấy các cuộc khủng hoảng này là do các lỗi hệ thống của hệ thống ngân hàng tài chính.

1.2. "Lỗi hệ thống" của hệ thống ngân hàng - tài chính

Nguyên nhân chủ yếu trực tiếp của cuộc khủng hoảng là các lỗi hệ thống của hệ thống ngân hàng - tài chính. Nếu như các ngân hàng thương mại còn chịu sự quản lý giám sát của các cơ quan nhà nước, thì các ngân hàng đầu tư, các công ty tài chính ít bị giám sát hơn. Chúng tạo ra ngày càng nhiều sản phẩm "tiên tiến", các sản phẩm phái sinh với mục đích phân tán rủi ro, giảm bớt rủi ro. Rất tiếc là chính các phương pháp phòng ngừa, phân tán rủi ro lại gây ra rủi ro khôn lường do bộ máy điều hành và những người sử dụng chúng không hiểu chúng hoạt động ra sao, do các cơ quan điều tiết không theo kịp trong việc quản lý, do chúng tạo ra các khuyến khích ngược, gây lạm dụng một cách thái quá (bị nhiều người lên án là quá tham lam), làm tổn hại đến chính hệ thống.

Thực ra, ngay ở nước Mỹ, nhiều nhà kinh tế học và nhà đầu tư tinh táo đã chỉ ra các lỗi này từ lâu, song cơn "say" lợi nhuận đã lôi hoạt động kinh doanh đi theo hướng đầu tư và đầu cơ mù quáng. Kết cục là thảm họa.

1.3. Nguyên nhân nền tảng và mang tính nguyên lý hệ thống

Trước diễn biến của khủng hoảng tài chính toàn cầu người ta lại bàn nhiều về sự "đúng", "sai" của trường phái "thị trường tự do" đối lại trường phái "can thiệp nhà nước". Thực ra, về nguyên tắc, vấn đề không phải là trường phái nào đúng, trường phái nào sai, không phải là sự đối đầu giữa hai thứ. Hai thuyết không đối đầu nhau mà bổ sung cho nhau. Vấn đề chính là người ta đi đối lập hai thứ đó với nhau suốt hàng trăm năm qua. Tự do hóa đã mang lại sự phát triển kỳ diệu cho nhân loại, song cũng gây ra tai họa khi nó bị đẩy đến mức thái quá. Ngược lại, nhà nước can thiệp cực đoan đã làm cho một bộ phận lớn của nhân loại rơi vào trì trệ trong nhiều thập kỷ.

Cán cân vai trò nhà nước - thị trường vốn thường xuyên đảo qua, đảo lại, thay đổi liên tục. Thị trường tự do mạnh quá thì nền kinh

tế "đánh đùng" một cái, sau đó đến lượt vai trò của nhà nước lại được đề cao lên. Ngược lại, nếu nhà nước lấn át quá thì nền kinh tế lại kém hiệu quả, khi đó nó lại "đánh đùng" một cái, lại bắt đầu chuyển sang giai đoạn "thối" thị trường tự do lên. Đó là câu chuyện thường tình, mang tính chu kỳ.

Nhưng cuộc khủng hoảng này không hẳn như vậy, và không chỉ như vậy. Về tầm nhìn, cần đặt cuộc khủng hoảng này trong một bối cảnh sâu xa hơn và phải giải thích khủng hoảng bằng bối cảnh ấy thì mới làm rõ được thực chất của vấn đề.

Vậy bối cảnh ấy là cái gì? Có lẽ bắt đầu từ tình trạng mất cân bằng phát triển trong nền kinh tế thế giới. Sự mất cân bằng này tích nén lại trong khoảng thời gian hai mươi hoặc ba mươi năm gần đây. Sự mất cân bằng này được định vị bằng hai xu hướng rất lớn:

Một là, sự nổi lên rất mạnh của một số nền kinh tế đang phát triển khổng lồ. Những nền kinh tế đang phát triển này có trọng số rất lớn về mặt dân số và diện tích trên phạm vi toàn cầu. Chỉ với hai quốc gia là Trung Quốc và Ấn Độ, chưa nói tới cả nhóm BRIC (có thêm hai nước Braxin và Nga), trọng số đó đã đủ lớn để thay đổi cục diện phát triển.

Vậy mất cân bằng ở đây là gì? Đó là thị trường, là nguồn lực phát triển. Vì vậy, phải nhận diện sự mất cân bằng này bắt nguồn từ sự trỗi dậy ghê gớm của một số nền kinh tế đang phát triển khổng lồ, ép thế giới vào một trạng thái khác hẳn. Cục diện thế giới mà Mỹ và Liên Xô tạo lập trước đây hiện đã thay đổi sâu sắc: cuộc đấu tăng cường độ, gia tốc của cuộc chơi thị trường tăng lên, khốc liệt gấp nhiều lần so với những gì mà phe "Trục" gồm ba "con sói" Đức, Ý, Nhật gây ra trong hai cuộc chiến tranh thế giới trước đây. Lần này, cuộc chiến tranh thị trường, đòi chia lại thị trường thế giới giữa các con "rồng" BRIC với các con sói G7 có lẽ còn quyết liệt hơn nhiều.

Hai là, các nước phát triển chuyển sang công nghệ cao với tốc độ rất nhanh. Đây là xu hướng phát triển nền kinh tế dựa vào công nghệ cao, hay nói cách khác là kinh tế tri thức. Xu hướng này cùng với quá trình nói trên gắn với xu hướng toàn cầu hóa mà bản chất của toàn cầu hóa là tự do hóa.

Hai xu hướng này diễn ra song hành trong bối cảnh toàn cầu hóa và đan vào nhau, cộng thêm biến cố sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa đã tạo nên nét độc đáo của thời đại hiện nay. Ba yếu tố này cộng hưởng lại làm nên một trạng thái phát triển, một cuộc đấu trên phạm vi toàn cầu. Có lẽ phải nhìn toàn diện vấn đề như vậy mới giải thích được sự sụp đổ của hệ thống kinh tế toàn cầu - đó là do thế giới và Chính phủ các nước, gồm cả các nước "siêu cường", không quản trị được quá trình phát triển trong không gian toàn cầu hóa, cộ tốc độ biến đổi cực kỳ cao. Vì vậy chỉ cần một khâu yếu, làm hệ thống bị "thủng" thì khủng hoảng tất yếu xảy ra.

Đặc điểm của cuộc khủng hoảng lần này nổ ra ở những nước phát triển, như Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản, sau đó lan rộng ra các nước, làm sụp đổ những tập đoàn và những khuôn mặt lớn nhất trong nền tài chính thế giới. Quy luật thay thế những thương hiệu lớn trên thế giới hàng trăm năm mới diễn ra một lần. Người ta đã tổng kết, sau chừng một trăm năm thì trong 100 tên tuổi lớn sẽ có khoảng 80, 90 tên tuổi lớn, cỡ General Motor hay Ford, biến mất. Công nghệ cao trở thành xu hướng thống trị thế giới mới có mấy chục năm nay nhưng đã làm sụp đổ toàn bộ hệ thống tài chính, những tập đoàn lớn, khổng lồ nhất trên thế giới.

Vậy hai đặc điểm này nói lên điều gì? Đó là sự thay nhip, thay đổi cấu trúc rất lớn trong nền kinh tế toàn cầu. Sự thay đổi này diễn ra bằng cách dồn mâu thuẫn tập trung vào một vài điểm xung yếu rồi bùng nổ, làm sụp đổ toàn bộ cấu trúc, chứ không phải chỉ phá hủy riêng cấu trúc tài chính. Nếu chúng ta chỉ coi nguyên nhân dẫn đến cuộc khủng

hoảng này là do sai sót của hoạt động quản trị, của chính sách, hay sơ suất trong điều hành, do lòng tham của một nhóm người nào đó, thì sẽ không đủ. Tôi cho rằng, phải nhìn khủng hoảng trong khối dịch chuyển tổng thể của thời đại, trong tầm chiến lược và sự dịch chuyển tốc độ cao dẫn tới chỗ thế giới không quản trị nổi một hệ thống để nhận diện, xem xét cách thế giới phản ứng và khắc phục khủng hoảng mới có thể thay đổi và bắt nhịp trở lại. Lúc đó, chúng ta mới tiên đoán được thời hạn để trở lại mức bình thường trước khủng hoảng là bao lâu. Vấn đề không phải là tăng sản lượng trong thời gian 1 - 2 năm, mà chính là thời gian để tạo lập một cấu trúc mới.

2. Hệ quả khủng hoảng: thời đại “hậu khủng hoảng” có gì khác?

Tại sao phải nhấn vào chữ “thời đại”? Rõ ràng cần nhận diện lại thời đại - trong cái khung khủng hoảng và hậu khủng hoảng. Sau khủng hoảng, thế giới có chuyển sang một thời đại mới hay không? Chắc chắn sẽ có những biến chuyển rất lớn, nhất là sau khi thực hiện “tái cấu trúc kinh tế toàn cầu” - một trong những chủ đề thảo luận và là một trục hành động chính mà cả thế giới đang triển khai. Song kết cục thế giới 10-15 năm sau khủng hoảng cụ thể là gì có lẽ còn phải bàn tiếp và chờ đợi thêm.

Nhưng có một điều rõ ràng: đánh giá cuộc khủng hoảng này, kể cả chiều dài trước của nó với tư cách là nguyên nhân, cộng với chiều dài sau, với các hệ quả của nó, phải được đặt trên tầm thời đại.

Bản chất của khủng hoảng là tái cấu trúc và phân bổ lại quyền lực. Chúng ta đều biết rằng, đồng tiền không mất đi mà nó chỉ di chuyển chủ, theo đó, quyền lực cũng di chuyển, được “phân bổ” lại. Hiện nay, sự phân bổ lại các nguồn lực, thay đổi các tương quan quyền lực trên thế giới đang diễn ra rất mạnh. Đó là chưa kể đến sức cộng hưởng của các xu hướng lớn khác là toàn cầu hóa và chuyển nhanh sang thời đại công nghệ cao. Trước khủng hoảng, quá trình này đã mạnh,

khủng hoảng càng làm gia tốc dịch chuyển tăng lên. Chính điểm này làm cho thế giới đứng trước những cơ hội rất lớn và nhưng cũng đầy rủi ro. Đây là lý do mà Hội nghị Davos ở Thụy Sĩ, diễn ra cuối năm 2008, đặt chủ đề “Định vị thế giới trong tương lai” với nội dung chính là “Tái cấu trúc nền kinh tế toàn cầu”. Rõ ràng thế giới đã nhận diện được thực chất của vấn đề - đó là phải định vị lại thế giới và tái cấu trúc quyền lực.

Vậy tái cấu trúc là gì?

Một là, thay đổi những xu hướng phát triển, cân bằng lại ở một tầm khác các xu hướng phát triển.

Hai là, chuyển sang hệ thống công nghệ cao, kinh tế tri thức sẽ được đẩy mạnh với một tốc độ rất lớn, cấu trúc thể chế sẽ thay đổi.

Chúng ta đều biết rằng, G8 không đủ để giải quyết vấn đề, nên đã xuất hiện G-20. Đó là một thể chế cấu trúc mới. Nhưng khi khủng hoảng kinh tế toàn cầu nổ ra, khái niệm G-2 (Mỹ và Trung Quốc) ra đời. G-2 được đề ra như một ý tưởng phản ánh một thực tế là hiện nay thế giới không chỉ có một siêu cường là Mỹ mà đã xuất hiện thêm một thế lực mới, tuy còn lâu mới vượt qua “ông trùm” Mỹ, song thế lực đã vượt trội các nhân vật lớn đứng phía sau. Cũng như các “G” khác, G-2 không phải là một liên minh mà chỉ là một diễn đàn, một diễn đàn để thế giới dàn xếp, thống nhất trò chơi với nhau trước khi mang ra thảo luận để đạt được sự thỏa thuận G8 hay G20. Theo nghĩa đó, Mỹ và Trung Quốc đang là hai nhân vật đóng vai trò chính dàn xếp trò chơi quốc tế. Thế giới “hậu khủng hoảng” phải tính đến thực tế đã được “tái cấu trúc” này.

Cấu trúc G-20 bàn đến việc thay đổi thể chế quản trị toàn cầu, ví dụ như IMF, World Bank. Người ta cho rằng, đến năm 2010 phải cố gắng hoàn thành việc điều chỉnh lại những nguyên tắc ban đầu (việc có điều chỉnh được hay không lại là chuyện khác). Rõ ràng, xu hướng thay đổi cấu trúc thể chế quản trị phát triển toàn cầu được đặt ra như

một nhiệm vụ toàn cầu. Tái cấu trúc đầu tiên mà chúng ta quan tâm là những xu hướng lớn, trong đó đặc biệt lưu ý đến xu hướng tái cấu trúc thể chế.

Ở đây có một điểm đáng quan tâm là sự nổi lên của đồng Nhân dân tệ. BRIC đưa ra vấn đề xét lại vai trò của đồng đô la Mỹ trong hệ thống tài chính - tiền tệ toàn cầu, đề cao vai trò của đồng SDR (quyền rút vốn đặc biệt). Đồng thời, Trung Quốc thỏa thuận ngay với Argentina, Braxin, Nga, Ấn Độ, và tới đây định bàn với ASEAN về việc sử dụng đồng Nhân dân tệ để thanh toán trực tiếp trong các quan hệ buôn bán song phương. Đây là cách đưa đồng Nhân dân tệ ra thế giới rất khôn ngoan và có hiệu quả. Theo cách này, tuy vai trò của đồng Nhân dân tệ còn lâu mới "ngang ngửa" với đồng đô la Mỹ, song nó cho thấy một xu hướng mới về tương quan quyền lực đang xuất hiện trong nền kinh tế thế giới. Thế giới không thể không chú ý đến động thái này.

Nhóm tái cấu trúc thứ hai là hệ thống phân công lao động quốc tế. Rõ ràng có một sự dịch chuyển rất mạnh trong cấu trúc kinh tế toàn cầu. Trong mấy chục năm qua, Trung Quốc trở thành đại công xưởng của cả thế giới, chuyên sản xuất xoong, nồi, tủ lạnh, quần áo, vật dụng tiêu dùng thiết yếu cho cả loài người dùng. Còn phần phân công kia là các nước phát triển tập trung vào các ngành công nghệ cao.

Tuy nhiên, có một điều ngược lại, Trung Quốc, Ấn Độ và các nước đi sau như Việt Nam cũng "nhao nhao" nhảy vào phát triển công nghệ cao, chứ không chỉ làm gia công. Đây cũng là cơ hội nhảy vọt cho các nước đi sau, nhưng cơ hội này cũng chứa đựng đầy rủi ro.

Tái cấu trúc toàn cầu có mấy điểm liên quan đến Việt Nam cần được đặc biệt lưu ý.

Thứ nhất, vai trò của Trung Quốc ngày một nổi lên. Dự trữ ngoại tệ của Trung Quốc hiện là 2.300 tỷ USD. Mỗi ngày Trung Quốc có thêm 1-2 tỷ USD dự trữ, một năm tích

lũy được gần 400 - 500 tỷ USD dự trữ. Đúng về mặt kinh tế học thì đó là một sự lãng phí, nhưng mặt khác, lượng dự trữ ngoại tệ lớn lại là một thế lực giúp Trung Quốc gạt hái được nhiều lợi ích, nhất là tại thời điểm cả thế giới khủng hoảng đang "khát tiền". Đó là hiệu quả của sự dự trữ "lãng phí"¹.

Thứ hai, sự nổi lên của kinh tế Trung Quốc gắn với thời đại "đại công xưởng" thứ hai. Sản xuất đại công xưởng của Trung Quốc tràn ra và chiếm thị trường thế giới với tốc độ và sự quyết liệt khủng khiếp. Khi thế giới xóa bỏ Hiệp định Đa sợi, mở cửa thị trường dệt may thì những nước đang phát triển lo sợ rằng hàng dệt may Trung Quốc sẽ "thanh lý" thị trường dệt may toàn cầu. Xu hướng đó là tất yếu, mang bản chất cạnh tranh thị trường. Đối với những nước đang phát triển, đó là điều rất đáng lo ngại. Về mặt chiến lược, chúng ta phải nghiên cứu rất nghiêm túc vấn đề này.

Một điểm nữa cũng cần lưu ý là, khi đóng vai trò đại công xưởng của thế giới, Trung Quốc sẽ mua tài nguyên khắp thế giới và họ đã có những chiến lược mua tài nguyên ở Châu Phi, ở Nam Mỹ, với Úc. Khai thác bô xít và than đá của Việt Nam cũng nằm trong những chiến lược đó của Trung Quốc. Trung Quốc cũng xác định biển là một tài nguyên chiến lược quan trọng, đặt ra khẩu hiệu "biển thì gần, đại dương thì xa" nên Trung Quốc xây dựng và thực hiện một chiến lược về biển, với những hành động không chỉ thăm dò và khai thác biển mà còn đóng và mua hàng loạt tàu ngầm, tàu tuần dương, tàu sân bay, tăng cường sức mạnh trên biển với một tham vọng không che giấu.

1. Ngoại trưởng Mỹ Hilary Clinton sang Trung Quốc ngay sau khi nhậm chức, đề nghị Trung Quốc dùng tiền dự trữ mua cổ phiếu của Chính phủ Mỹ, giúp Mỹ có tiền để giải cứu nền kinh tế bị khủng hoảng. Trung Quốc không cần nhắc nhiều mà đồng ý mua ngay, vì với Trung Quốc, cách mua có lợi nhất là mua trái phiếu của Chính phủ Mỹ, vừa khối lượng lớn, vừa an toàn. Nhưng đằng sau chuyện mua bán đó chắc chắn sẽ có thêm nhiều điều kiện gì, ít nhất, theo lẽ thường, không ai cho không bao giờ.

Thứ ba, khi đồng Nhân dân tệ của Trung Quốc lên giá, chắt chắt làn sóng đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc không chỉ dừng lại ở việc mua tài nguyên, mà sẽ mang tiền ra đầu tư ở nước ngoài. Trọng điểm đầu tư là di chuyển công nghệ đã sử dụng "xong" ở trong nước ra nước khác. Một hướng, Trung Quốc bỏ tiền ra mua những công nghệ hàng đầu thế giới, những công nghệ cao, còn hướng khác đầu tư để di chuyển công nghệ thấp sang nước khác, nhằm tạo không gian cho việc thay đổi công nghệ trong nước. Trong thời gian gần đây, Trung Quốc thực hiện chiến lược đầu tư rất mạnh ra các nước đang phát triển, ASEAN và Việt Nam là địa bàn đầu tiên được tính đến. Đây là một xu hướng tất yếu của quá trình di chuyển công nghệ (và chắt chắt không chỉ như vậy). Xu hướng này sẽ được đẩy mạnh gấp bội trong thời gian tới, đặt ra một bài toán lớn cho Việt Nam và các nước ASEAN.

Cần lưu ý thêm rằng trong cách giải thích về tình trạng mất cân bằng toàn cầu hiện nay, với trục chính là sự mất cân đối trong quan hệ kinh tế - thương mại Mỹ - Trung, nhiều ý kiến cho rằng mất cân đối là do Mỹ tích lũy ít, tiêu dùng nhiều, còn Trung Quốc tích lũy nhiều, tiêu dùng ít. Nói như vậy chỉ đúng một phần chứ không hoàn toàn đúng. Mỹ đang di chuyển sản xuất ra thế giới, chơi cuộc chơi toàn cầu, cho nên không phải Mỹ thu hẹp sản xuất trong nước lại mà định hướng "bung" sản xuất Mỹ ra toàn cầu. Một trong những trọng điểm bung ra của Mỹ chính là Trung Quốc. Nói Trung Quốc bán hàng cho Mỹ chỉ là một vế. Mỹ di chuyển vốn, di chuyển sức mạnh của mình ra thế giới và tích lũy bằng cả thế giới. Để làm gì vậy nếu không phải là để kiếm lợi và tăng cường sức mạnh Mỹ?

Ngược lại, Trung Quốc đang hút cả thế giới về mình để tăng cường thế lực và bằng cách đó để tham gia vào quá trình toàn cầu hóa một cách tích cực, để chinh phục cả thế giới. Nhật Bản cách đây 3 thập niên cũng làm như vậy nhưng chưa thật thành công.

Quan hệ lợi ích của Mỹ và Trung Quốc phải tính trên tầm như thế mới thấy được vấn đề có tính bản chất và triển vọng trong quan hệ Mỹ - Trung.

Nói như vậy để thấy rằng, ứng xử quan hệ của Việt Nam và thế giới hiện nay là không dễ chút nào. Trong điều kiện tốc độ thay đổi nhanh thì ứng xử chiến lược cũng phải tính đến một cách rất đặc biệt, không phải theo một logic giáo điều và cứng nhắc trên một vài quan điểm vì những lợi ích theo kiểu truyền thống đang thay đổi, đang dịch chuyển.

3. Việt Nam trong khung cảnh hậu khủng hoảng của thế giới

Sẽ có một thế giới thay đổi rất nhiều, rất mạnh trong giai đoạn tới, trong đó có hai xu hướng di chuyển quan trọng:

Thứ nhất, là di chuyển công nghệ thấp đến các nước đi sau, kém phát triển. Đây là điểm mà Việt Nam phải đặc biệt cảnh giác, nếu không có định hướng rõ thì chúng ta sẽ bị mê hoặc bởi giá cả "cho không", vì phía sau giá cả rẻ của công nghệ thấp, gắn liền với nó là nguồn nhân lực chất lượng thấp, sẽ là thảm họa lâu dài cho quốc gia và dân tộc.

Một trong những yêu cầu quan trọng bậc nhất của chiến lược 10 năm tới là làm sao nền kinh tế Việt Nam không được phép rơi vào *bẫy thu nhập trung bình*. Một số nền kinh tế Đông Á - Hàn Quốc, Đài Loan - đã nỗ lực vượt lên bằng con đường phát triển hướng tới công nghệ cao trên nền tảng không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhờ đó, đã không bị rơi vào cái bẫy này. Và một khi không bị rơi vào "bẫy" thì không gian tiến về phía trước là rộng mở. Trung Quốc cũng đang theo đuổi cách phát triển này và triển vọng và rất sáng sủa. Nhưng các nước Đông Nam Á "đi trước", dù được ca ngợi rất nhiều trong về những "kỳ tích" phát triển đáng kinh ngạc trong các thập niên 1970-1980, thì lại không như vậy. Chưa có nước nào, kể cả những nước "dẫn đầu" như Malaixia, Thái Lan, hay bậc thấp hơn như Indônêxia và Philippin, có dấu hiệu vượt thoát khỏi cái bẫy này một cách rõ ràng.

Thoát khỏi "bẫy thu nhập trung bình" là bài toán phát triển thuộc loại khó giải nhất, vì vậy phải tập trung làm rõ vấn đề này như là một trong những quan điểm chỉ phối cách tư duy chiến lược của ta trong giai đoạn tới, là yêu cầu tối cao đặt ra cho chiến lược, cho quá trình tái cấu trúc kinh tế.

Thứ hai, là luồng di chuyển công nghệ cao. Những nước nghèo, những nước kém phát triển cũng muốn nhập cuộc và cũng có cơ hội nhập cuộc. Đây là một cơ hội rất lớn, nhưng điều kiện cho sự nhập cuộc ấy là gì? Điều quan trọng là phải đổi mới tư duy, bởi vì trong nhiều trường hợp, ở các nước lạc hậu đi sau, những tầng nấc văn hóa, tư duy phát triển theo kiểu truyền thống là sức cản rất lớn. Điều thứ hai là phải tính đến chiến lược đối tác - đối thủ trong một thế giới cạnh tranh quyết liệt, trong một khu vực đang đặc biệt sôi động và bất ổn như ở vùng Châu Á - Thái Bình dương. Trong giai đoạn tới, có hai điểm Trung Quốc sẽ làm quyết liệt: (1) công nghệ cao, (2) biển và đại dương. Hai điều này đều gắn với Việt Nam.

Có câu hỏi đặt ra là, vậy Việt Nam "nằm trong cuộc" hay "chỉ chịu tác động" của khủng hoảng. Khi Việt Nam đã hội nhập với thế giới thì đương nhiên là "nằm trong cuộc", phải theo xu hướng chung đó. Hai là, khi đã là một thành tố của thế giới, nên Việt Nam chịu tác động của những thành tố khác. Việt Nam phải tính đến hai yếu tố này ở tầm lớn, khi đó, vấn đề đặt ra là: các xu thế lớn của loài người mà mình phải nương theo là gì? Và với tư cách là một thành tố chịu tác động thì cái gì có tác động kéo lên, cái gì làm sai lạc?

Về đại thể, có ba nhóm tác động đến nền kinh tế Việt Nam. *Một là*, tác động khủng hoảng ngắn hạn, làm cho nền kinh tế và xã hội gặp rất nhiều khó khăn, cộng hưởng với những khó khăn to lớn trong hai năm gia nhập WTO mà nền kinh tế còn chưa thoát ra khỏi khi khủng hoảng kinh tế thế giới ập đến. Tại sao trong hai năm sau gia nhập WTO, Việt Nam lại gặp nhiều khó khăn như vậy, cái cộng hưởng của hai năm đó là thế nào? Sau khủng hoảng có thể ta sẽ thoát khỏi khủng hoảng, nhưng những điểm yếu của cơ cấu mà

mô hình tăng trưởng không hiệu quả để lại còn nguyên, thậm chí còn nghiêm trọng hơn. Đây là câu chuyện lớn phải được kiểm điểm, đánh giá một cách nghiêm túc.

Hai là, tái cấu trúc trong bối cảnh ấy như một cơ hội được hiểu thế nào, lấy cái gì để làm và làm những việc gì. Đó là những việc lớn cần phải bàn, như chiến lược tái cấu trúc dưới áp lực di chuyển, áp lực cạnh tranh của thế giới. Ví dụ, hàng trong nước khó chiếm lĩnh thị trường nội địa hơn là xuất khẩu ra nước ngoài, thị trường phải đổi mặt với di chuyển công nghệ, nhất là sự di chuyển công nghệ ở các nước láng giềng sang Việt Nam. Vậy, chúng ta phải tái cấu trúc thế nào? liệu chúng ta có làm được không và bằng cái mẹo gì?...

Ba là, sau khủng hoảng này buộc chúng ta phải tư duy lại về thời đại và cách nhìn những nguyên lý phát triển của C.Mác, vì lực lượng sản xuất trong thời đại kinh tế tri thức đã khác trước nhiều. Giai cấp công nhân có sứ mệnh lịch sử ở một thời đại, trong một phương thức sản xuất nhất định, với những điều kiện xác định. Sứ mệnh đó trong thế giới toàn cầu hóa, phát triển kinh tế tri thức thì thế nào? Phải làm gì để thực thi được sứ mệnh đó. Rõ ràng là nếu cứ đóng đinh vào quan niệm cũ thì không thể phát triển được. Bên cạnh đó, cấu trúc nhà nước, cấu trúc xã hội cũng có sự thay đổi lớn, nên khi nghiên cứu phải định hình cả điều này.

Cuộc khủng hoảng lần chính là cơ hội để chúng ta nhận diện lại thời đại và cách đổi mới tư duy triệt để./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bello W., 2009. Chỉ có Keynes thì chưa đủ. Bài đăng trên Asia Time\$, VietnamNet lược dịch, 22-7-2009.
2. Gill Indermit, Kharas Homi (Chủ biên), 2007. Đông Á phục hưng. Ý tưởng phát triển. Bản dịch tiếng Việt. Nxb. Văn hóa Thông tin, 2007.
3. Klein Brian P., 2009. Những cơn hô bị thuần hóa, những cơn rùng rợn kiệt sức. Foreign Affairs, July - August 2009. Bản dịch trên VietnamNet, 11-07-2009.
4. Krugman P., 2009. Sự trở lại của kinh tế học suy thoái và cuộc khủng hoảng năm 2008. Nxb. Trẻ.
5. Leslie Teo, 2009. The Impact of the Global Financial Crisis on Asia - Is that a light or train at the end of the tunnel? Bài viết trình bày tại Diễn đàn Triển vọng khu vực, Singapore, 7 Jan 2009.